TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 10 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa
Ông D và bà P.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bon

Ông Lê Quốc Tiết

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cù Văn D, sinh năm 1956
Địa chỉ: ấp 5, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.
Bị đơn: Bà Lữ Thị P, sinh năm 1961
Địa chỉ: ấp 5, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.
(Ông D, bà P có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Cù Văn D trình bày:

Ông và bà P tổ chức đám cưới 1979, đến năm 2004 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, hôn nhân do mai mối. Trong thời gian sống chung cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì vài năm gần đây vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do mất lòng tin lẫn nhau, bà P thường xuyên kiếm chuyện gây sự với ông, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau. Ông và bà P đã ly thân khoảng 02 năm nay. Ông thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông và bà P có 04 người con chung tên:

- Cù Thị Hoàng G, sinh năm 1979.

- Cù Thị Thanh N, sinh năm 1981.
- Cù Thị Thanh Đ, sinh năm 1983.
- Cù Thị Thu Đ, sinh năm 1986.

Hiện nay các con đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà Lữ Thị P là bị đơn trình bày:

Thời gian, điều kiện kết hôn đúng như lời ông D trình bày nhưng diễn biến quá trình chung sống không đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì khoảng 2 năm gần đây ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân 02 năm nay, khoảng 02 tháng nay ông D đi đâu không về nhà. Nay ông D yêu cầu ly hôn bà không đồng ý ly hôn vì đã lớn tuổi, ông D muốn làm gì thì làm bà không quan tâm.

Về con chung: Bà và ông D có 04 người con chung tên:

- Cù Thị Hoàng G, sinh năm 1979.
- Cù Thị Thanh N, sinh năm 1981.
- Cù Thị Thanh Đ, sinh năm 1983.
- Cù Thị Thu Đ, sinh năm 1986.

Hiện nay các con chung đã thành niên, bà cũng không có yêu cầu gì.

Về chia tài sản chung: Có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Cù Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lữ Thị P. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Thấy rằng, ông D và bà P tổ chức đám cưới năm 1979, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 05/4/2004. Quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà P là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông D, quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do mất lòng tin lẫn nhau, bà P thường xuyên kiếm chuyện gây sự với ông, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau. Bà P cho rằng khoảng 2 năm gần đây ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân 02 năm nay nhưng bà không đồng ý ly hôn vì lớn tuổi và bà cũng không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông D yêu cầu ly hôn với bà P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D.

[3] Về con chung: Ông D và bà P có 04 người con chung:

- Cù Thị Hoàng G, sinh năm 1979.
- Cù Thị Thanh N, sinh năm 1981.
- Cù Thị Thanh Đ, sinh năm 1983.
- Cù Thị Thu Đ, sinh năm 1986.

Hiện nay các con chung đã thành niên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Cù Văn D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Cù Văn D và bà Lữ Thị P.

2. Về án phí: Ông Cù Văn D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002390 ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh